

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **5986** /UBND-KGVX
V/v báo cáo bổ sung số liệu
phân bổ và giải ngân vốn thực
hiện Chương trình MTQG phát
triển KT-XH vùng đồng bào
DTTS&MN giai đoạn 2021-
2024 trên địa bàn tỉnh
Quảng Ngãi

Quảng Ngãi, ngày **06** tháng 11 năm 2024

Kính gửi: Ủy ban Dân tộc

Thực hiện Công văn số 1985/UBND-VPCTMTQG ngày 31/10/2024 của Ủy ban Dân tộc về việc đôn đốc gửi báo cáo và bổ sung số liệu giải ngân thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025; trên cơ sở nội dung báo cáo và đề xuất của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh tại Công văn số 1429/BDT-CSDT ngày 04/11/2024, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo như sau:

1. Về đánh giá thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025: UBND tỉnh Quảng Ngãi đã báo cáo Ủy ban Dân tộc tại Báo cáo số 241/BC-UBND ngày 25/10/2024 về việc đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; đề xuất nội dung, giải pháp thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030.

2. Về báo cáo bổ sung kết quả phân bổ và giải ngân vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2024:

a) Kết quả phân bổ vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2024: Tổng vốn đã phân bổ để thực hiện Chương trình là 1.812.173 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương là 1.625.655 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư công là 799.199 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 826.456 triệu đồng)

- Ngân sách địa phương (gồm: vốn ngân sách tỉnh và ngân sách huyện) là 186.518 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư công là 88.802 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 97.716 triệu đồng), trong đó:

+ Ngân sách tỉnh là 173.525 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư công là 82.470 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 91.055 triệu đồng);

+ Ngân sách huyện là 12.993 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư công là 6.332 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 6.661 triệu đồng).

b) Kết quả giải ngân vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2024 (đến 30/9/2024): Tổng vốn đã giải ngân là 892.314 triệu đồng, đạt 49,2%; trong đó:

- Giải ngân vốn ngân sách Trung ương là 814.614 triệu đồng, đạt 50,1% (gồm: vốn đầu tư công là 615.072 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 199.542 triệu đồng)

- Giải ngân vốn ngân sách địa phương (gồm: vốn ngân sách tỉnh và ngân sách huyện) là 77.700 triệu đồng, đạt 41,6% (gồm: vốn đầu tư công là 58.337 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 19.363 triệu đồng), trong đó:

+ Ngân sách tỉnh là 74.113 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư công là 55.600 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 18.513 triệu đồng);

+ Ngân sách huyện là 3.587 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư công là 2.737 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 850 triệu đồng).

c) Đối với nguồn vốn vay tín dụng chính sách: Trong năm 2022 và 2023, Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi đã cho vay 1.011 hộ với số tiền 40.340 tỷ đồng (thực hiện nội dung hỗ trợ nhà ở) và cho vay 101 hộ với số tiền 5.590 tỷ đồng (thực hiện nội dung chuyển đổi nghề); trong năm 2024, Thủ tướng Chính phủ chưa giao vốn để thực hiện nội dung này.

(chi tiết tại phụ lục kèm theo)

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo Ủy ban Dân tộc./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính,
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và xã hội, Y tế, Văn hóa, Thể thao, Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Tư pháp, Công Thương, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- UBND các huyện: Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành.
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, KTN;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_{VHTin511}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Phiên

TỔNG HỢP PHẦN BỎ VÀ GIẢI NGÂN VỐN
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025
 (Kèm theo Công văn số 5886/UBND-KG/CX ngày 06/11/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Dự án, Tiểu dự án	Phân bổ vốn 2021 - 2024				Kết quả giải ngân vốn 2021 - 2024 (đến 30/9/2024)							
		Tổng số	DTPT	SN	Tổng số	DTPT	SN	Tổng số	DTPT	SN			
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu nước sinh hoạt	1.625.655	799.199	826.456	186.518	88.802	97.716	814.614	615.072	199.542	77.700	58.337	19.363
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	210.213	142.692	67.521	23.980	16.398	7.672	112.301	101.387	10.914	10.173	9.370	803
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	99.531	96.042	3.489	11.169	10.807	362	58.895	58.895	-	5.109	5.109	-
3.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	236.997	-	236.997	29.387	-	29.387	44.448	-	44.448	5.862	-	5.862
3.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được hiệu quả, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	239.809	900	238.909	27.735	90	27.645	78.537	-	78.537	6.851	-	6.851
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	486.070	446.201	39.869	51.928	46.906	5.022	378.045	356.918	21.127	33.852	31.965	1.887
4.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	486.070	446.201	39.869	51.928	46.906	5.022	378.045	356.918	21.127	33.852	31.965	1.887
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo như cao chất lượng nguồn nhân lực	201.035	99.199	101.836	24.829	13.060	11.769	100.008	86.666	13.342	11.745	10.843	902
5.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	112.653	99.199	13.464	15.020	13.060	1.960	92.823	86.666	6.157	11.512	10.843	669
5.2	Tiểu dự án 2: Bổ sung kiến thức dân tộc, đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số	18.840	-	18.840	2.354	-	2.354	1.069	-	1.069	-	-	-
5.3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	41.112	-	41.112	4.323	-	4.323	2.547	-	2.547	197	-	197
5.4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho công đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.	28.420	-	28.420	3.132	-	3.132	3.569	-	3.569	36	-	36
6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	24.682	14.165	10.517	2.978	1.631	1.347	15.585	11.206	4.379	1.626	1.050	576
7	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	18.243	-	18.243	2.001	-	2.001	5.777	-	5.777	727	-	727
8	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	39.098	-	39.098	4.462	-	4.462	8.996	-	8.996	669	-	669
9	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	44.947	-	44.947	5.010	-	5.010	4.852	-	4.852	511	-	511

STT	Dự án, Tiêu dự án	Phân bổ vốn 2021 - 2024				Kết quả giải ngân vốn 2021 - 2024 (đến 30/9/2024)							
		Ngân sách trung ương		Ngân sách địa phương		Ngân sách trung ương		Ngân sách địa phương					
		Tổng số	ĐTPT	SN	Tổng số	ĐTPT	SN	Tổng số	ĐTPT	SN			
9.1	Tiêu Dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhằm dần lọc còn nhiều khó khăn	34.467	-	34.467	3.447	-	3.447	1.954	-	1.954	196	-	196
9.2	Tiêu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	10.480	-	10.480	1.563	-	1.563	2.898	-	2.898	315	-	315
10	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	25.030	-	25.030	3.039	-	3.039	7.170	-	7.170	575	-	575
10.1	Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín, phù biên, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia	14.118	-	14.118	1.743	-	1.743	3.323	-	3.323	303	-	303
10.2	Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	4.649	-	4.649	536	-	536	2.131	-	2.131	142	-	142
10.3	Tiêu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	6.263	-	6.263	760	-	760	1.716	-	1.716	130	-	130